

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 472/2021/HC-PT

Ngày: 13 - 12 - 2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 197/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2020/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4220/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Kiều Thị Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: đường P, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/. Ông Dương Quốc Th, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: đường 3/2, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2/. Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: đường Th, Phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Ngọc M - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin xét

xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp:

1/. Ông Phan Văn M - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2/. Ông Phan Huy H - Trưởng phòng Bồi thường Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường P, phường P1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/. Hạt Kiểm lâm VP

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D - Trám trưởng Trám Kiểm lâm địa bàn thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Quốc lộ 51, Khu phố T, phường P2, thị xã P3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2/. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960.

Thường trú: ấp G, xã T1, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N: Ông Dương Quốc Th, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: đường 3/2, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3/. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1978. (vắng mặt)

4/. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. (vắng mặt)

5/. Ông Nguyễn Trung Ngh, sinh năm 1985. (vắng mặt)

6/. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1997. (vắng mặt)

7/. Bà Nguyễn Thị Hồng Ph, sinh năm 1998. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường P, Tổ 13, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Kiều Thị Đ có ông Dương Quốc Th, ông Nguyễn Hải Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Kiều Thị Đ đại diện gia đình đăng ký sử dụng diện tích đất 7.312m², thửa 33, tờ bản đồ 48, Phường 11, thành phố V.

Nguồn gốc đất là do gia đình ông BN khai phá từ năm 1976, đến năm 1983 chuyển nhượng cho chồng bà Đ là ông Nguyễn Văn N bằng giấy tay. Hộ bà Đ sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp kể từ khi nhận chuyển nhượng đến khi có quyết định thu hồi đất.

Năm 1996, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã thực hiện thu hồi đất để giao đất cho Công ty TNHH May Sản xuất Thương mại và Xây dựng M (Gọi tắt là Công ty TNHH M). Trong số đất bị thu hồi có diện tích đất của hộ bà Đ. Các quyết định thu hồi cụ thể như sau:

+ Quyết định số 2314/QĐ.UBT của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 09/10/1996 về việc thu hồi 10.000m² đất tại CL, Phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH M để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch (gọi tắt là “Quyết định số 2314”);

+ Quyết định số 2788/QĐ.UBT của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 22/11/1996 về việc thu hồi 9.883,9m² đất tại CL, Phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH M để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch (gọi tắt là “Quyết định số 2788”);

+ Quyết định số 2493/QĐ.UBT của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 19/10/1996 về việc thu hồi 10.000m² đất tại CL, Phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH M để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch (gọi tắt là “Quyết định số 2493”);

+ Quyết định 2494/QĐ.UBT của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 19/10/1996 về việc thu hồi 10.000m² đất tại CL, Phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH M để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch (gọi tắt là “Quyết định 2494”);

+ Quyết định 2387/QĐ.UBT của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 14/10/1996 về việc thu hồi 10.000m² đất tại CL, Phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH M để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch (gọi tắt là “Quyết định 2387”);

+ Quyết định số 514/QĐ-UBT của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 12/3/1997 về việc phê duyệt kinh phí đền bù đợt II, 59 lô đất diện tích 398.133m² tại khóm P, Phường 11, thành phố V phải giải tỏa để giao cho Công ty TNHH M để sử dụng theo quy hoạch, gọi tắt là “Quyết định số 514”.

Theo các quyết định nói trên, hộ gia đình bà Đ bị thu hồi 5.686,6m² gồm Lô K16, K30, K31, K32, K45.

Quá trình thực hiện thu hồi đất và bồi thường ngoài số tiền bồi thường về nhà, vật kiến trúc và hoa màu cây trái hộ bà Đ còn nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ tương ứng với diện tích đất bị thu hồi là: 4.463,6m².

Nhận thấy, trong diện tích đất bị thu hồi có diện tích chưa được bồi thường, hỗ trợ là 1.223m², hộ bà Đ đã rất nhiều lần làm đơn kiến nghị gửi UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu yêu cầu bồi thường diện tích đất còn lại 1.223m².

Nội dung giải quyết khiếu nại:

Sau nhiều lần họp bàn, ngày 30/9/2019, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Văn bản số 9893, giải quyết nội dung kiến nghị của hộ bà Đ. Nội dung giải quyết kiến nghị cơ bản như sau:

+ Về việc đề nghị bồi thường diện tích đất còn lại 1.223m^2 : Không bồi thường diện tích đất 1.223m^2 . Trong đó 1.113m^2 bị cho là đất bao chiếm đất của Hạt Kiểm Lâm thành phố V về xác nhận đất lâm nghiệp tại khu vực Phường 10, Phường 11 giao cho đơn vị M và T và Văn bản số 187/SĐC-TTr ngày 01/3/1999 của Sở Địa chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc bổ sung Công văn số 1269/SĐC-TTr ngày 29/10/1998 của Sở Địa chính về việc kiểm tra việc sử dụng đất của 30 hộ dân có liên quan đến đất do ngành Lâm nghiệp quản lý tại khu vực Phường 10, Phường 11.

Diện tích 110m^2 cho là đất rạch công cộng theo bản đồ thu hồi đất.

+ Về việc đề nghị giao đất tái định cư: UBND tỉnh đồng ý giao 01 suất đất ở cho hộ bà Đ và giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với UBND thành phố V để giải quyết.

+ Về việc đề nghị tính hỗ trợ di dời, ổn định cuộc sống, sản xuất: Không đồng ý hỗ trợ.

Đối với nội dung giải quyết kiến nghị như trên, hộ bà Đ cho rằng, việc UBND tỉnh không bồi thường 1.223m^2 đất là không đúng, vì toàn bộ đất bị thu hồi hộ bà Đ nhận chuyển nhượng từ năm 1983, sử dụng ổn định không có tranh chấp, có đăng ký sử dụng từ năm 1993; sử dụng ổn định, lâu dài; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; không có tranh chấp. Từ thời điểm đó đến khi bị thu hồi bà Đ không nhận được bất cứ thông tin nào về việc bàn giao đất cho ngành Kiểm lâm cũng như không thấy có bất cứ động thái “quản lý” nào của Hạt Kiểm lâm đối với khu đất nói trên. Bên cạnh đó phần diện tích 110m^2 nằm trong phần diện tích đăng ký được UBND phường xác nhận.

Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy một phần (quyết định hành chính) tại Văn bản số 9893 đối với nội dung “*Không bồi thường diện tích đất 1.223m^2 do bị cho là đất bao chiếm đất của Hạt Kiểm Lâm thành phố V về xác nhận đất lâm nghiệp tại khu vực Phường 10, Phường 11 giao cho đơn vị M và T và Văn bản số 187/SĐC-TTr ngày 01/3/1999 của Sở Địa chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc bổ sung Công văn số 1269/SĐC-TTr ngày 29/10/1998 của Sở Địa chính về việc kiểm tra việc sử dụng đất của 30 hộ dân có liên quan đến đất do ngành Lâm nghiệp quản lý tại khu vực Phường 10, Phường 11. Và diện tích 110m^2 đất rạch công cộng theo bản đồ thu hồi đất*”.

- Buộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện bồi thường theo giá thị trường diện tích đất 1.223m^2 đã bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày:

- *Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất*: Đất hộ bà Đ đăng ký sử dụng: 7.312m^2 ; thửa 33, tờ bản đồ số: 48; Phường 11, thành phố V: Do gia đình ông BN khai phá năm 1976, đến năm 1983 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N (Chồng bà Đ) bằng giấy tay, sử dụng liên tục đến thời điểm thu hồi đất. Trong đó có 1.113m^2 đất liên quan đến Lâm nghiệp, ông Nguyễn Văn N bao chiếm sử

dụng và đăng ký sử dụng đất với UBND Phường 11 vào năm 1993.

- *Về thu hồi đất:* UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2314/QĐ.UBT ngày 09/10/1996; Quyết định số 2788/QĐ.UBT ngày 22/11/1996; Quyết định số 2493/QĐ.UBT, Quyết định số 2494/QĐ.UBT ngày 19/10/1996; Quyết định số 2387/QĐ.UBT ngày 14/10/1996 về việc thu hồi đất tại CL, Phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH M để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch.

Theo các quyết định nêu trên, hộ ông (bà) Nguyễn Văn N - Kiều Thị Đ bị thu hồi với diện tích 5.686,6m², một phần thửa 33, tờ bản đồ số 48; Phường 11, thành phố V.

- *Về bồi thường:* Ngày 09/5/1998, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 50 hộ, thuộc khu vực Phường 10, Phường 11, thành phố V phải giải tỏa, giao đất cho Công ty TNHH M. Trong đó có hộ ông (bà) Nguyễn Văn N - Kiều Thị Đ, diện tích đất được bồi thường 5.576,6m², nhà và vật kiến trúc với số tiền bồi thường 166.557.450 đồng (*tạm giữ tiền*) và diện tích đất không được bồi thường 110m².

Tại Công văn 444/UB-VP ngày 07/02/2000 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho phép chi trả tiền bồi thường cho ông (bà) Nguyễn Văn N - Kiều Thị Đ với 4.463,6m² đất, nhà và vật kiến trúc (số tiền bồi thường 135.115.200 đồng) và thu hồi số tiền đã phê duyệt cho 1.113m² đất lâm nghiệp nộp vào Ngân sách là: 31.442.250 đồng. Ông N, bà Đ đã nhận đủ số tiền (135.115.200 đồng) và không còn khiếu nại tại các Biên bản chi trả tiền đền bù của Hội đồng đền bù thành phố V ngày 24/01/2000 và ngày 15/02/2000.

- Kết quả xác minh cho thấy:

Sở Tài nguyên và Môi trường có báo cáo tại Văn bản số 5458/STNMT-CCQLĐĐ ngày 18/8/2019 báo cáo và đề xuất UBND tỉnh:

Diện tích đất bà Kiều Thị Đ đề nghị bồi thường: 1.223m² gồm:

+ Về diện tích đất 1.113m² thửa 33, tờ bản đồ số: 48. Đây là phần đất lâm nghiệp trồng rừng do ngành Lâm nghiệp quản lý (được xác nhận theo Văn bản số 115/CV.KL ngày 08/7/1998 của Hạt kiểm lâm thành phố V về việc xác nhận đất lâm nghiệp tại khu vực Phường 10, Phường 11 giao cho đơn vị M và T và Văn bản số 187/SĐC-TTr ngày 01/3/1999 của Sở Địa chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc bổ sung Công văn số 1269/SĐC-TTr ngày 29/10/1998 của Sở Địa chính về việc kiểm tra việc sử dụng đất của 30 hộ dân có liên quan đến đất do ngành Lâm nghiệp quản lý tại khu vực Phường 10 và Phường 11, bà Kiều Thị Đ bao chiếm sử dụng và đăng ký sử dụng đất với UBND Phường 11). Mặt khác ngày 07/4/1993 Hạt kiểm lâm thành phố V ban hành quyết định xử lý hành chính đối với ông Nguyễn Văn N về việc lấn chiếm 1.680m² đất lâm nghiệp trái phép tại khu vực đồi 4, Phường 11. Do đó, căn cứ Điều 6 và Điều 7 của Quyết định số 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định:

“không bồi thường diện tích đất lấn chiếm trái phép” thì nội dung yêu cầu của bà Kiều Thị Đ về bồi thường diện tích 1.113m² đất là không có cơ sở chấp nhận.

+ Về diện tích đất 110m², đây là phần đất nằm ngoài đất thu hồi, thể hiện trong Biên bản kiểm kê ngày 22/01/1997 và Biên bản kiểm kê ngày 24/01/1997 của Tiểu ban chỉ đạo thu hồi đất Thành phố V có xác nhận của ông Nguyễn Văn N và bà Kiều Thị Đ. Do đó tại thời điểm thu hồi đất không tính bồi thường diện tích này là đúng quy định; Yêu cầu của bà Kiều Thị Đ về đề nghị bồi thường 110m² đất là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, việc bà Kiều Thị Đ yêu cầu hủy bỏ một phần quyết định tại Văn bản số 9893/UBND-VP ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là không có cơ sở để chấp nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông (bà): Nguyễn Thị R, Nguyễn Thị L, Nguyễn Trung Ngh, Nguyễn Trung H và Nguyễn Thị Hồng Ph cùng trình bày: Bà R, bà L, ông Ngh, ông H và bà Ph là con của ông Nguyễn Văn N và bà Kiều Thị Đ. Bà Kiều Thị Đ đã đại diện cho hộ gia đình khởi kiện hành chính tại Tòa án và đã được Tòa án thụ lý, giải quyết. Bà R, bà L, ông Ngh, ông H và bà Ph cùng đồng ý với toàn bộ nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị Đ, cũng như của những người đại diện theo ủy quyền của bà Kiều Thị Đ trong vụ án nêu trên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Hạt kiểm lâm VP trình bày: Kiểm lâm là tổ chức có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; là lực lượng chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy rừng, không có chức năng về quản lý đất đai, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2020/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Áp dụng: Điều 2 Luật đất đai năm 1987; Điều 5, Điều 21, Điều 27, khoản 6 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Mục 3 và 7 Quyết định 318-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 10/9/1979; Mục 1 và 3 Quyết định 201-HĐCP Hội đồng Chính phủ ngày 01/7/1980; Điều 11 Quyết định 327-CT ngày 15/9/1992 của Hội Đồng Bộ Trưởng. Đoạn 1 Điều 2 Nghị định 90-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ. Mục 1 Thông tư số 37-KN/LN ngày 27/12/1986 của Bộ Lâm nghiệp; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện về yêu cầu bồi thường đối với (diện tích 110m² đất rạch công cộng theo bản đồ thu hồi đất) tại Văn bản số 9893/UBND-VP ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị Đ: Hủy một phần (Phần không bồi thường diện tích đất 1.113m²) là một phần thửa 33 tờ bản đồ số 48, Phường 11, thành phố V tại Văn bản số 9893/UBND-VP ngày

30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện bồi thường diện tích 1.113m² đất nông nghiệp, là một phần thửa 33 tờ bản đồ số 48, Phường 11, thành phố V cho hộ bà Kiều Thị Đ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/01/2021, người bị kiện UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kiều Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Kiều Thị Đ khởi kiện yêu cầu hủy một phần Văn bản số 9893/UBND-VP ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với nội dung không bồi thường diện tích đất 1.113m², thuộc một phần thửa 33 tờ bản đồ số 48, Phường 11, thành phố V cho hộ bà Kiều Thị Đ khi thu hồi đất giao cho Công ty TNHH M sử dụng theo yêu cầu quy hoạch.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Người bị kiện UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thừa nhận diện tích đất bà Đ khiếu nại 1.113m^2 nằm trong tổng diện tích 7.312m^2 , thửa 33, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại Phường 11, thành phố V, có nguồn gốc do gia đình ông BN khai phá năm 1976, đến năm 1983 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N (chồng bà Đ) bằng giấy tay; ông N, bà Đ sử dụng liên tục đến thời điểm thu hồi đất. Tuy nhiên, do phần diện tích đất 1.113m^2 thuộc đất lâm nghiệp, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã giao cho Hạt kiểm lâm thành phố V quản lý từ năm 1998; ông N, bà Đ bao chiếm để sử dụng nên không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi thu hồi.

Như vậy, lời trình bày của người khởi kiện và người bị kiện đều thống nhất với nhau nguồn gốc đất 1.113m^2 do gia đình ông BN khai hoang từ năm 1976, chuyển nhượng cho gia đình bà Đ sử dụng từ năm 1983. Nội dung này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như Sổ mục kê năm 1993 thể hiện bà Đ đăng ký kê khai diện tích 7.312m^2 , thửa 33, trong đó bao gồm diện tích đất 1.113m^2 đang có khiếu nại.

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Văn bản giao diện tích đất trên cho Hạt kiểm lâm thành phố V quản lý năm 1998 sau thời điểm gia đình ông BN, bà Đ sử dụng nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất theo quy định pháp luật. Thực tế cho đến thời điểm thu hồi thì diện tích đất trên gia đình bà Đ vẫn là người trực tiếp canh tác, sử dụng; Hạt kiểm lâm thành phố V không thể hiện sự quản lý của mình đối với diện tích đất bà Đ đang khiếu nại.

Người bị kiện cho rằng ngày 07/4/1993 Hạt kiểm lâm thành phố V ban hành quyết định xử lý hành chính ông N về hành vi lấn chiếm 1.680m^2 đất lâm nghiệp tại đồi 4, Phường 11 nên việc gia đình bà Đ sử dụng diện tích đất 1.113m^2 là trái pháp luật. Tuy nhiên, biên bản kiểm tra việc lấn chiếm đất lâm nghiệp ngày 07/4/1993 không xác định ranh đất, vị trí lấn chiếm, số thửa, số tờ bản đồ và có diện tích lấn chiếm khác với diện tích đất bà Đ đang khiếu nại nên không có cơ sở xác định diện tích đất bà Đ đang khiếu nại 1.113m^2 chính là diện tích đất 1.680m^2 ông N đã bị kiểm tra.

Gia đình bà Kiều Thị Đ sử dụng diện tích đất 1.113m^2 có nguồn gốc tự khai phá từ năm 1976, có đăng ký kê khai sử dụng đất thể hiện tại Sổ mục kê năm 1993, sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp đến thời điểm thu hồi đất. Do đó, gia đình bà Đ đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi thu hồi đối với diện tích đất 1.113m^2 .

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2020/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng: Điều 2 Luật đất đai năm 1987; Điều 5, Điều 21, Điều 27, khoản 6 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Mục 3 và 7 Quyết định 318-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 10/9/1979; Mục 1 và 3 Quyết định 201-HĐCP Hội đồng Chính phủ ngày 01/7/1980; Điều 11 Quyết định 327-CT ngày 15/9/1992 của Hội Đồng Bộ Trưởng. Đoạn 1 Điều 2 Nghị định 90-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ. Mục 1 Thông tư số 37-KN/LN ngày 27/12/1986 của Bộ Lâm nghiệp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện về yêu cầu bồi thường đối với (diện tích 110m² đất rạch công cộng theo bản đồ thu hồi đất) tại Văn bản số 9893/UBND-VP ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị Đ: Hủy một phần (Phần không bồi thường diện tích đất 1.113m²) là một phần thửa 33 tờ bản đồ số 48, Phường 11, thành phố V tại Văn bản số 9893/UBND-VP ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện bồi thường diện tích 1.113m² đất nông nghiệp, là một phần thửa 33 tờ bản đồ số 48, Phường 11, thành phố V cho hộ bà Kiều Thị Đ theo quy định pháp luật.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007395 ngày 15/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; đương sự đã thực hiện xong.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Tú Oanh

Phạm Hồng Phong

Hoàng Thanh Dũng

